

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN**

Lớp: **TKD21B2LX** Năm học: **21-22**  
Mã môn học/ Mô đun: **MH04087** Học kỳ: **02**  
Tên môn học/ Mô đun: **Kế toán doanh nghiệp 1**  
Số tín chỉ: **4**

| STT | MSHS       | Họ tên                  | Ngày sinh  | Hệ số 1 |  |   |   | Hệ số 2 |   |   |   | ThiL1 | ThiL2 | ĐMH/<br>MD |
|-----|------------|-------------------------|------------|---------|--|---|---|---------|---|---|---|-------|-------|------------|
| 1   | 21BTKD0480 | Đinh Ngọc Khánh An      | 04/12/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 2   | 21BTKD0481 | Bùi Liễu Tuấn Anh       | 05/12/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 3   | 21BTKD0482 | Nguyễn Thị Hồng Anh     | 19/08/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 4   | 21BTKD0483 | Nguyễn Duy Bảo          | 25/02/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 5   | 21BTKD0484 | Nguyễn Huỳnh Hồng Hân   | 19/03/2006 |         |  | 9 | 8 | 8       | 8 | 8 | 8 | 6.5   |       | 7.1        |
| 6   | 21BTKD0485 | Đoàn Thị Ngọc Hiếu      | 08/01/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 7   | 21BTKD0486 | Nguyễn Kim Phương Huyền | 21/02/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 8   | 21BTKD0487 | Nguyễn Lâm Hoàn Kim     | 18/01/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 9   | 21BTKD0488 | Phạm Thu Ngân           | 12/12/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 10  | 21BTKD0489 | Quách Đông Nghi         | 16/12/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 11  | 21BTKD0490 | Nguyễn Trung Nghị       | 04/08/2006 |         |  | 8 | 8 | 8       | 8 | 8 | 8 | 7.5   |       | 7.7        |
| 12  | 21BTKD0491 | Lê Thị Tuyết Nhi        | 19/08/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 13  | 21BTKD0492 | Nguyễn Thị Phụng Nhi    | 15/09/2006 |         |  | 5 | 6 | 5       | 7 | 7 | 5 | 7.0   |       | 6.6        |
| 14  | 21BTKD0493 | Huỳnh Như               | 14/08/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 15  | 21BTKD0494 | Mại Huỳnh Như           | 11/08/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 16  | 21BTKD0495 | Nguyễn Thanh Phước      | 12/01/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 17  | 21BTKD0496 | Dương Hữu Thọ           | 24/02/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 18  | 21BTKD0497 | Trần Minh Thư           | 08/04/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 19  | 21BTKD0498 | Lê Thị Cẩm Tiễn         | 11/09/2006 |         |  | 9 | 8 | 5       | 8 | 8 | 8 | 4.0   |       | 5.4        |
| 20  | 21BTKD0499 | Nguyễn Thị Tiễn         | 21/10/2005 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 21  | 21BTKD0500 | Tô Thị Kiều Trang       | 19/03/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 22  | 21BTKD0501 | Lê Thị Quế Trân         | 12/05/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 23  | 21BTKD0502 | Nguyễn Ngọc Trân        | 21/05/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 24  | 21BTKD0503 | Nguyễn Hồng Cẩm Tuyển   | 21/09/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 25  | 21BTKD0504 | Trần Quốc Tỷ            | 26/07/2006 |         |  | 0 | 8 | 8       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 1.0        |
| 26  | 21BTKD0505 | Trần Thị Thu Vân        | 10/06/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 27  | 21BTKD0506 | Huỳnh Thúy Vy           | 12/03/2005 |         |  | 7 | 6 | 6       | 5 | 5 | 5 | 4.5   | 2.0   | 4.9        |
| 28  | 21BTKD0507 | Nguyễn Ngọc Yến         | 21/10/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 29  | 21BTKD0508 | Trương Thị Ngọc Yến     | 06/06/2006 |         |  | 0 | 0 | 0       | 0 | 0 | 0 | 0.0   | 0.0   | 0.0        |

| STT | MSHS | Họ tên | Ngày sinh | Hệ số 1 | Hệ số 2 | ThiL1 | ThiL2 | ĐMH/<br>MĐ |
|-----|------|--------|-----------|---------|---------|-------|-------|------------|
|-----|------|--------|-----------|---------|---------|-------|-------|------------|

*Châu Đốc, ngày 7 tháng 10 năm 2022*

**TP. Đào tạo**

**Giáo viên giảng dạy**

**Ths. Trần Thanh Dũng**

**Mã Thị Ngọc Anh**